

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 1918/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Thủ Đức, ngày 03 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 1142/2021/TLST/HNST ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: đường X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ A Chung cư H, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nguyễn Duy Anh K, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/10/2021;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K thuận tình ly hôn (đã kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 271 ngày 17/12/2013 tại UBND thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai).

Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Minh N, sinh ngày 11/01/2014. Bà T và ông K thống nhất giao con

chung cho Bà T nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K tự khai không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/10/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Minh N, sinh ngày 11/01/2014 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Duy Anh K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K tự khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0024070 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Duy Anh K đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Vũ Thanh Lâm